

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/DS-ST

Ngày: 07-9-2022

V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Phúc.

Ông Nguyễn Thành Tâm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Tô Văn Thừa là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2022, về tranh chấp đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Lê Hoàng N1 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân quản lý thanh lý tài sản L; địa chỉ: Phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Hoàng N1: Ông Dương Đoàn N2 và ông Trần Thanh V; cùng địa chỉ: Phường C, quận N, thành phố Cần Thơ, văn bản ủy quyền ngày 11/3/2022 (ông N2 có mặt, ông V vắng mặt).

- ***Bị đơn:*** Ông Huỳnh Tuấn H, sinh năm 1989; địa chỉ ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 11 tháng 3 năm 2022 của nguyên đơn Ông Lê Hoàng N1 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân quản lý thanh lý tài sản L và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 21/8/2019, ông Huỳnh Tuấn H là thư ký Bộ phận phá sản của Doanh nghiệp tư nhân Quản lý Thanh lý tài sản L (sau đây gọi tắt là Doanh nghiệp L) đang cân chỉ phí phục vụ nhu cầu của cá nhân nên ông H có làm đơn gửi Ban giám đốc Doanh nghiệp L xem xét cho ông H tạm ứng số tiền 25.000.000 đồng và được Giám đốc Doanh nghiệp L phê duyệt theo quyết định số 02/2019/QĐ-LH ngày 10/9/2019 về việc tạm ứng với cán bộ, nhân viên.

Đến ngày 01/11/2019, ông H làm đơn xin thôi việc và được Giám đốc Doanh nghiệp L phê duyệt theo Quyết định số 04/2019/QĐ-LH ngày 30/11/2019 về việc giải quyết việc thôi việc đối với cán bộ, nhân viên. Trong đơn xin thôi việc của ông H có cam kết về khoản tiền mà ông H đã tạm ứng với Doanh nghiệp L là 25.000.000 đồng, có thể hiện nội dung như sau: “*Đối với số tiền được Ban giám đốc Doanh nghiệp Quản lý Thanh lý tài sản cho tôi tạm ứng là 25.000.000 đồng, đến ngày 01/4/2020 tôi sẽ hoàn trả lại cho Doanh nghiệp 01 lần số tiền mà tôi đã tạm ứng*”. Tuy nhiên từ ngày 01/4/2020 đến nay, ông H vẫn chưa liên hệ và thanh toán số tiền tạm ứng 25.000.000 đồng cho Doanh nghiệp L.

Doanh nghiệp L đã có 02 công văn: Lần thứ nhất số 340a/2020/CV-QTV ngày 01/7/2020 về việc đề nghị ông Huỳnh Tuấn H liên hệ và thực hiện nghĩa vụ đối với số tiền 25.000.000 đồng. Công văn lần hai số 154/2021/CV-QTV ngày 19/8/2021 về việc đề nghị ông Huỳnh Tuấn H liên hệ và thực hiện nghĩa vụ đối với số tiền 25.000.000 đồng nhưng ông H vẫn không liên hệ và không có động thái thanh toán khoản tiền mà ông H đã nhận của Doanh nghiệp L.

Ông Lê Hoàng N1 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân quản lý thanh lý tài sản L yêu cầu ông Huỳnh Tuấn H thanh toán khoản nợ 25.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật (10%/năm) từ ngày 01/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 07/9/2022 là 29 tháng 07 ngày với số tiền 6.090.277 đồng.

Đối với bị đơn ông Huỳnh Tuấn H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số: 31/TB-TLVA ngày 05 tháng 4 năm 2022, tổng đạt hợp lệ cho ông H, nhưng ông H không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ông Lê Hoàng N1 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân quản lý thanh lý tài sản L. Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ hai lần đối với ông H để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H vắng mặt không có lý do nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được, Tòa án đã đến nhà ông H để lấy lời khai nhưng ông H thường xuyên không có mặt ở nhà nên Tòa án không lấy lời khai của ông H được nên không có lời khai của ông H trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền nợ đã tạm ứng và lãi suất chậm thanh toán 10%/năm kể từ ngày đến hạn thanh toán cho đến ngày xét xử là đúng theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi nộp đơn khởi kiện, người bị kiện là ông Huỳnh Tuấn H có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Người khởi kiện ông Lê Hoàng N1 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân quản lý thanh lý tài sản L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng buộc ông Huỳnh Tuấn H thanh toán khoản nợ tạm ứng 25.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật (10%/năm) từ ngày 01/4/2020 (ngày ông H cam kết hoàn trả toàn bộ số tiền 25.000.000 đồng) đến ngày xét xử sơ thẩm. Lãi suất tạm tính đến ngày 02/3/2022 là 4.992.000 đồng. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho ông Lê Hoàng N1 nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và ông N1 đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của ông Lê Hoàng N1 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân quản lý thanh lý tài sản L là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Huỳnh Tuấn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng, không vì trở ngại khách quan nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Huỳnh Tuấn H.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Dương Đoàn N2 yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Tuấn H phải trả cho ông Lê Hoàng N1 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân quản lý thanh lý tài sản L số tiền đã tạm ứng của Doanh nghiệp L vào ngày 21/8/2019 với số tiền 25.000.000 đồng và lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của pháp luật (10%/năm) từ ngày 01/4/2020 (ngày ông H cam kết hoàn trả toàn bộ số tiền 25.000.000 đồng) đến ngày xét xử sơ thẩm 07/9/2022 là 29 tháng 07 ngày với số tiền lãi 6.090.277 đồng.

[4] Xét yêu cầu của ông Lê Hoàng N1 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân quản lý thanh lý tài sản L về việc yêu cầu ông Huỳnh Tuấn H trả số tiền đã tạm ứng của Doanh nghiệp L vào ngày 21/8/2019 với số tiền 25.000.000 đồng và lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của pháp luật (10%/năm) từ ngày 01/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 07/9/2022 là 29 tháng 07 ngày với số tiền lãi 6.090.277 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Tại đơn xin tạm ứng do ông Huỳnh Tuấn H lập ngày 21/8/2019 gửi Ban Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân quản lý thanh lý tài sản L, ông H đề nghị Doanh nghiệp L cho ông H tạm ứng số tiền 25.000.000 đồng để phục vụ nhu cầu công tác và phục vụ nhu cầu của cá nhân ông H. Đến ngày 10/9/2019, Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân quản lý thanh lý tài sản L duyệt cho ông H tạm ứng số tiền 25.000.000 đồng. Đến ngày 01/11/2019, ông Huỳnh Tuấn H làm đơn xin thôi việc tại Doanh nghiệp tư nhân quản lý thanh lý tài sản L từ ngày 01/12/2019 và ông H có ghi nội dung: *“Đối với số tiền được Ban giám đốc Doanh nghiệp tư nhân quản lý thanh lý tài sản đã cho tôi tạm ứng là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng), đến ngày 01/4/2020 tôi sẽ trả lại cho Doanh nghiệp 01 lần số tiền tôi đã tạm ứng”*. Đến ngày 30/11/2019 Giám đốc Doanh nghiệp L ký quyết định cho thôi việc đối với ông Huỳnh Tuấn H từ ngày 01/12/2019. Đến ngày 01/4/2020, ông H không trả tiền cho Doanh nghiệp L như cam kết. Ngày 01/7/2020 và ngày 19/8/2021, Doanh nghiệp L đã ban hành văn bản đề nghị ông H trả số tiền đã tạm ứng nhưng ông H vẫn không trả tiền cho Doanh nghiệp L và Doanh nghiệp L đã khởi kiện ông Huỳnh Tuấn H tại Tòa án. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số: 31/TB-TLVA ngày 05 tháng 4 năm 2022, tổng đạt hợp lệ cho ông H, nhưng ông H không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng N1 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân quản lý thanh lý tài sản L. Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ hai lần đối với ông H để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H vắng mặt không có lý do, Tòa án đã đến nhà ông H để lấy lời khai nhưng ông H thường xuyên không có mặt ở nhà nên Tòa án không lấy lời khai của ông H được. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*, căn cứ vào quy định này, thì ông H không phản đối đối với

yêu cầu và các tài liệu, văn bản của nguyên đơn đưa ra nên các tài liệu, văn bản của nguyên đơn đưa ra là có cơ sở. Do đó, có căn cứ để Hội đồng xét xử khẳng định ông Huỳnh Tuấn H có tạm ứng số tiền 25.000.000 đồng của Doanh nghiệp L vào ngày 10/9/2019 và còn nợ cho đến nay là có cơ sở.

[4.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về tính lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn trả tiền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì “1) *Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.* 2) *Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này*”. Theo đó khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định: “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*”. Tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định: *Lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp pháp luật có liên quan quy định khác. ...*”. Căn cứ vào các quy định trên, thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền chậm trả 25.000.000 đồng kể từ ngày đến hạn là ngày 01/4/2020 cho đến ngày 07/9/2022 là 02 năm 05 tháng 07 ngày với số tiền 6.090.277 đồng là đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hoàng N1 – Chủ doanh nghiệp L về yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Tuấn H phải trả cho nguyên đơn số tiền đã tạm ứng 25.000.000 đồng và tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền 10%/năm đối với số tiền chậm trả từ ngày 07/9/2022 là 02 năm 05 tháng 07 ngày với số tiền 6.090.277 đồng. Tổng cộng: 31.090.277 đồng.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm:

[7.1] Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bị đơn ông Huỳnh Tuấn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 1.554.513 đồng (một triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm mười ba đồng).

[7.2] Nguyên đơn ông Lê Hoàng N1 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân quản lý thanh lý tài sản L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001833 ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 166; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.
- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hoàng N1 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân quản lý thanh lý tài sản L đối với bị đơn ông Huỳnh Tuấn H.

2. Xử buộc bị đơn ông Huỳnh Tuấn H phải trả cho nguyên đơn ông Lê Hoàng N1 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân quản lý thanh lý tài sản L số tiền tạm ứng 25.000.000 đồng và số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với số tiền 6.090.277 đồng (từ ngày 01/4/2020 đến ngày 07/9/2022 là 02 năm 05 tháng 07 ngày). Tổng cộng: 31.090.277 đồng (ba mươi một triệu không trăm chín mươi nghìn hai trăm bảy mươi bảy đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn ông Lê Hoàng N1 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân quản lý thanh lý tài sản L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bị đơn ông Huỳnh Tuấn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Bị đơn ông Huỳnh Tuấn H phải chịu 1.554.513 đồng (một triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm mười ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3.2. Nguyên đơn ông Lê Hoàng N1 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân quản lý thanh lý tài sản L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001833 ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

4. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng
(P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn